

اللغة الفيتنامية

Tiếng Việt

Đường dẫn vào trang web:

<https://www.alsarhaan.com>

*ضَعْ اسْمَ حَيَوَانٍ أَوْ طَيْرٍ فِي الْفَرَاغِ

* Điền tên con vật hoặc con chim vào chỗ trống

1- {وَإِذْ قَالَ مُوسَىٰ لِقَوْمِهِ إِنَّ اللَّهَ يَأْمُرُكُمْ أَنْ تَذْبَحُوا
(.....)} البقرة: 67

{(Các người hãy nhớ lại) khi Musa bảo người dân của Y: “Quả thật Allah đã ra lệnh cho các người cắt tiết một (.....).”}
(chương 2 - Al-Baqarah: 67).

2- {فَالْتَقَمَهُ (.....) وَهُوَ مُلِيمٌ} الصافات: 142

{Rồi một (.....) đã nuốt chửng Y vì Y đã phạm một điều đáng trách.} (chương 37 – As-Saaffat: 142).

3- {وَتَفَقَّدَ الطَّيْرَ فَقَالَ مَا لِيَ لَا أَرَى (.....) أَمْ كَانَ مِنْ

الْغَائِبِينَ} النمل: 20

{Rồi khi (Sulayman) kiểm tra đoàn chim, Y bảo: “Sao Ta không thấy (.....) đâu cả, phải chăng nó vắng mặt?”} (chương 27 – An-Naml: 20).

4- {فَبَعَثَ اللَّهُ (.....) يَبْحَثُ فِي الْأَرْضِ لِيُرِيَهُ كَيْفَ يُورَى

سَوَاءَ أَخِيهِ} المائدة: 31

{Rồi Allah gửi đến một (.....) bới đất để cho y thấy cách chôn đi cái xác người em của y.} (chương 5 – Al-Ma-idah: 31).

5- {قَالَ إِنِّي لَيَحْزُنُنِي أَنْ تَذْهَبُوا بِهِ وَأَخَافُ أَنْ يَأْكُلَهُ

(.....) وَأَنْتُمْ عَنْهُ غَافِلُونَ} يوسف: 13

{(Ya'qub) nói: “Thật vậy, cha cảm thấy buồn khi các con đưa em đi chơi xa (vì cha không thể chịu được khi rời xa nó); hơn nữa, cha sợ rằng (.....) sẽ ăn thịt nó khi các con lơ là do (mải mê vui chơi).”} (chương 12 – Yusuf: 13).

6- {يَأْتِيهَا (.....) أَدْخُلُوا مَسَكِنَكُمْ لَا يَحْطِمَنَّكُمْ سُلَيْمَنُ

وَجُنُودُهُ وَهُمْ لَا يَشْعُرُونَ} النمل: 18

{“Hỡi (.....), các người hãy mau lui vào chỗ ở của các người kẻ Sulayman và đoàn quân của Người (vô tình) giẫm nát các người trong lúc họ không hề hay biết.”} (chương 27 – An-Naml: 20).

7- {إِنَّ هَذَا أَخِي لَهُ تِسْعٌ وَتِسْعُونَ (.....) وَلِي (.....)}

وَاحِدَةٌ} ص: 23

{“Quả thật, đây là người anh em (trong đạo) của tôi. Anh ấy có chín mươi chín (.....) còn tôi chỉ có một (.....) duy nhất.”} (chương 38 – Sad: 23).

8- {فَمَثَلُهُ كَمَثَلِ (.....) إِنْ تَحْمِلْ عَلَيْهِ يَلْهَثْ أَوْ تَتْرُكْهُ

يَلْهَثٌ} الأعراف: 176

{Hình ảnh của y giống như hình ảnh của (.....): dù Người đánh đuổi nó

hoặc không đánh đuổi nó thì nó vẫn cứ lè lười ra.} (chương 7 – Al-‘Araf: 176).

9- {أَلَمْ تَرَ كَيْفَ فَعَلَ رَبُّكَ بِأَصْحَابِ {.....} الفيل: 1

{(Này hỡi Muhammad!) Người đã không thấy cách Thượng Đế của Người đối xử với đoàn quân cuội {.....} ư?} (chương 105: Al-Fil: 1).

10- {كَانَتْهُمْ {.....} مُسْتَنْفِرَةٌ ﴿٥٠﴾ فَرَّتْ مِنْ قَسْوَرَةٍ المدثر:

51, 50

{(50) Chúng quay lưng bỏ chạy tránh xa (Qur'an) giống như những {.....} hoảng sợ. (51) Tháo chạy trước cơn sự tử.} (chương 74 – Al-Muddaththir: 50, 51).

11- {فَأَلْقَى عَصَاهُ فَإِذَا هِيَ {.....} مُبِينٌ الأعراف: 107

{Thề là (Musa) ném chiếc gậy của Y xuống, nó lập tức biến thành một {.....} thực sự.} (chương 7 – Al-‘Araf: 107).

12- {مَثَلُ الَّذِينَ حُمِّلُوا التَّوْرَةَ ثُمَّ لَمْ يَحْمِلُوهَا كَمَثَلِ (.....)}
يَحْمِلُ أَثْقَارًا {الجمعة: 5}

{Hình ảnh của những người được giao cho Kinh Tawrah nhưng rồi không thi hành theo nó giống như hình ảnh của một (.....) chở trên lưng nó hàng đồng sách.} (chương 62 – Al-Jumu’ah: 5).

13- {وَيَقَوْمٌ هَذِهِ (.....) اللَّهُ لَكُمْ ءَايَةٌ فَذَرُوهَا تَأْكُلْ فِي أَرْضِ اللَّهِ وَلَا تَمْسُوهَا بِسُوءٍ} هود: 64

{“Hỡi người dân của Ta, đây là (.....) của Allah, một dấu hiệu dành cho các ngươi. Vì vậy, các ngươi hãy để mặc nó tự do ăn uống trên đất của Allah, các ngươi chớ đừng chạm đến nó bất cứ điều hại nào.”} (chương 11 – Hud: 64).

14- {وَأَوْحَىٰ رَبُّكَ إِلَىٰ (.....) أَنْ أَخَذِي مِنَ الْجَبَالِ بُيُوتًا وَمِنَ الشَّجَرِ وَمِمَّا يَعْرِشُونَ} النحل: 68

{Thượng Đế của Người (Thiên Sứ Muhammad) đã mặc khải cho loài (.....): “Người

hãy xây tổ trên núi, trên cây và trên những vật mà (con người) dựng lên thành giàn.”} (chương 16 – An-Nahl: 68).

15- {فَأَرْسَلْنَا عَلَيْهِمُ الطُّوفَانَ وَ(.....) وَ(.....) وَ(.....) وَالَّذِينَ آمَنُوا فَاسْتَكَبَرُوا وَكَانُوا قَوْمًا مُّجْرِمِينَ} الأعراف: 133

{Vì vậy, TA (Allah) đã gửi xuống bọn chúng lũ lụt, (.....), (.....), (.....) và máu (trùng phạt bọn chúng).} (chương 7 – Al-‘Araf: 133).

16- {مَثَلُ الَّذِينَ اتَّخَذُوا مِنْ دُونِ اللَّهِ أَوْلِيَاءَ كَمَثَلِ (.....) اتَّخَذَتْ بَيْتًا} العنكبوت: 41

{Hình ảnh của những kẻ nhận lấy các vị bảo hộ khác ngoài Allah giống như hình ảnh của một (.....) giăng tơ làm nhà.} (chương 29 – Al-‘Ankabut: 41).

17- {فَلَمَّا عَتَوْا عَنْ مَّا نُهُوا عَنْهُ قُلْنَا لَهُمْ كُونُوا (.....)}

خَلْسِينَ {الأعراف: 166}

{Cho nên, khi bọn họ công khai làm điều cấm thì TA phán bảo với họ: “Đám người các người hãy biến thành (.....) hèn hạ!”}
(chương 7 – Al-‘Araf: 166).

18- {أَفَلَا يَنْظُرُونَ إِلَى (.....) كَيْفَ خُلِقَتْ} الغاشية: 17

{(Những kẻ vô đức tin) không nhìn thấy những (.....) được tạo ra như thế nào ư?}
(chương 88 – Al-Ghashiyah: 17).

19- {خُشَعًا أَبْصَرُهُمْ يَخْرُجُونَ مِنَ الْأَجْدَاثِ كَأَنَّهُمْ (.....)}

مُنْتَشِرٌ {القمر: 7}

{Chúng trỗi ra khỏi mộ, cái nhìn của chúng đầy nỗi sợ hãi (một cách hèn hạ), (chúng chạy đi) giống như các (.....) bay tán loạn.} (chương 54 – Al-Qamar: 7).

20- {يَوْمَ يَكُونُ النَّاسُ (.....) الْمَبْثُوثِ} القارعة: 4

{Đó là Ngày mà con người sẽ giống như những
(.....) bay tán loạn.} (chương 101 –
Al-Qari'ah: 4).

21- {مَنْ لَعَنَهُ اللَّهُ وَعَظِبَ عَلَيْهِ وَجَعَلَ مِنْهُمْ (.....) وَ
(.....) المائدة: 60}

{Đó là những kẻ mà Allah đã nguyên rủa, đã
phẫn nộ, những kẻ mà Ngài biến một số tên
trong bọn họ (.....), (.....)}
(chương 5 – Al-Ma-idah: 60).

22- {فَرَاغَ إِلَى أَهْلِهِ فَجَاءَ (.....) سَمِينَ الذاريات: 26}

{Rồi (Ibrahim) quay vào gặp người nhà. Sau đó,
(Ibrahim) mang ra một (.....)
(nướng) mập béo.} (chương 51 – Azd-Zdariyat:
26).

23- {فَأَلْقَاهَا فَإِذَا هِيَ (.....) تَسْعَى طه: 20}

{Musa ném chiếc gậy xuống, nó liền biến thành
một (.....) bò nhanh nhẹn.}
(chương 20 – Taha: 20).

24- {ثَمَنِيَّةٌ أَزْوَاجٌ مِّنَ (.....) أَثْنَيْنِ وَمِنْ (.....)}

أَثْنَيْنِ {الأنعام: 143}

{(Allah đã tạo ra cho các người) tám loại thú nuôi gồm đực cái, (.....) hai con đực cái và (.....) hai con đực cái.} (chương 6 – Al-An’am: 143).

25- {إِنَّ اللَّهَ لَا يَسْتَحْيِي أَنْ يَضْرِبَ مَثَلًا مَّا (.....) فَمَا

فَوْقَهَا {البقرة: 26}

{Chắc chắn Allah không hề e ngại khi Ngài đưa ra hình ảnh thí dụ về (.....) hay một sinh vật khác lớn hơn (hoặc nhỏ hơn).} (chương 2 – Al-Baqarah: 26).

26- {قَالُوا نَفَقْدُ صَوَاعَ الْمَلِكِ وَلِمَن جَاءَ بِهِ حِمْلُ (.....)

وَأَنَا بِهِ زَعِيمٌ {يوسف: 72}

{(Những người hô hoán) nói: “Chúng tôi mất một cái lều thóc của nhà vua.” (Và người đứng đầu của họ nói thêm): “Ai mang nó trả lại thì sẽ được thưởng số thóc bằng sức chở của một (.....), ta đảm bảo điều đó.”} (chương 12 – Yusuf: 72).

27- {إِنَّهَا تَرْمِي بِشَرِّ كَالْقَصْرِ ﴿٣٢﴾ كَأَنَّهَا (.....) صُفْرٌ}

المرسلات: 32, 33

{(32) Thật vậy, nó phun ra những tia lửa (khổng lồ) như pháo đài. (33) Giống như những (.....) vàng.} (chương 77 – Al-Mursalat: 32, 33).

28- {قَالَ هِيَ عَصَايَ أَتَوَكَّؤُا عَلَيْهَا وَاهْتَسُّ بِهَا عَلَيَّ (.....)}

وَلِي فِيهَا مَقَارِبُ أُخْرَى طه: 18

{(Musa) nói: “Thưa, đó là chiếc gậy của bề tôi, bề tôi thường dùng nó để chống khi đi lại, bề tôi cũng dùng nó để đập rụng lá cây cho (.....) của bề tôi và bề tôi dùng nó cho nhiều việc khác nữa.”} (chương 20 – Taha: 18).

29- {إِنَّ الَّذِينَ تَدْعُونَ مِنْ دُونِ اللَّهِ لَنْ يَخْلُقُوا (.....) وَلَوْ

أَجْتَمَعُوا لَهُ ط الحج: 73

{Quả thật, những kẻ mà các người khẩn vái ngoài Allah sẽ không bao giờ tạo ra được một

(.....) cho dù chúng có hợp sức lại với nhau để làm chuyện đó đi chăng nữa} (chương 22 – Al-Hajj: 73).

30- {وَأَعِدُّوا لَهُمْ مَا اسْتَطَعْتُمْ مِنْ قُوَّةٍ وَمِنْ رِبَاطٍ (.....)}

تُرْهِبُونَ بِهِ عَدُوَّ اللَّهِ وَعَدُوَّكُمْ} الأنفال: 60

{Các người (những người có đức tin) hãy chuẩn bị chống lại chúng bằng bất cứ thứ gì có thể, từ sức mạnh và các (.....), để cho kẻ thù của Allah và kẻ thù của các người} (chương 8 – Al-Anfal: 60).